

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 113/2024/HS-PT
Ngày 08-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Hoàng.

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Chum.

Ông Hoàng Huy Toàn.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2024 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 112/2024/TLPT-HS ngày 06 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo Ngô Thị Mỹ D do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 95/2024/HS-ST ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Bị cáo có kháng cáo:

Ngô Thị Mỹ D (tên gọi khác: B), sinh năm 1976 tại tỉnh Bình Dương; nơi thường trú: ấp L, xã L1, huyện B1, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Nguyễn Thị Đ, không rõ họ và tên cha; có chồng là ông Nguyễn Minh Đ1 và có 02 con (sinh năm 1994 và năm 2008); tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 17/01/2024 đến ngày 25/01/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng cầm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Ngoài ra, có 01 bị hại không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo và không có kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Ngô Thị Mỹ D làm công nhân tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn D1 (sau đây viết tắt là Công ty D1). Hàng ngày, bị cáo D thường đến tiệm tạp

hóa K (tại khu phố A, phường T1, thành phố B, tỉnh Bình Dương) do bà Lê Thị T làm chủ mua nước giải khát với giá sỉ rồi mang vào Công ty D1 bán kiếm lời.

Khoảng giữa năm 2023, chồng của bị cáo D nợ tiền của người khác và bỏ trốn nên có nhiều người thường xuyên đến tìm bị cáo D đe dọa, buộc trả nợ. Bị cáo D biết bà T thường để tiền trong xô màu đỏ dưới gầm bàn nhựa của tiệm tạp hóa K nên nảy sinh ý định trộm tiền của bà T để trả nợ cho chồng và sử dụng vào mục đích cá nhân.

Trong khoảng thời gian từ ngày 31/12/2023 đến ngày 16/01/2024, bị cáo D đã đến tiệm tạp hóa K mua nước giải khát rồi lợi dụng lúc bà T không để ý, bị cáo D đã lén lút lấy tiền của bà T tổng cộng 12 lần với tổng số tiền là 34.780.000 đồng, cụ thể:

- Lần thứ nhất: ngày 31/12/2023, bị cáo lấy trộm số tiền 6.900.000 đồng.
- Lần thứ hai: ngày 04/01/2024, bị cáo lấy trộm số tiền 4.100.000 đồng.
- Lần thứ ba: ngày 05/01/2024, bị cáo lấy trộm số tiền 1.100.000 đồng.
- Lần thứ tư: ngày 06/01/2024, bị cáo lấy trộm số tiền 1.300.000 đồng.
- Lần thứ năm: ngày 08/01/2024, bị cáo lấy trộm số tiền 800.000 đồng.
- Lần thứ sáu: ngày 09/01/2024, bị cáo lấy trộm số tiền 1.620.000 đồng.
- Lần thứ bảy: ngày 10/01/2024, bị cáo lấy trộm số tiền 1.700.000 đồng.
- Lần thứ tám: ngày 11/01/2024, bị cáo lấy trộm số tiền 5.100.000 đồng.
- Lần thứ chín: ngày 12/01/2024, bị cáo lấy trộm số tiền 3.300.000 đồng.
- Lần thứ mười: ngày 13/01/2024, bị cáo lấy trộm số tiền 3.260.000 đồng.
- Lần thứ mười một: ngày 15/01/2024, bị cáo lấy trộm số tiền 3.500.000 đồng.
- Lần thứ mười hai: khoảng 06 giờ 30 phút ngày 16/01/2024, bị cáo lấy trộm số tiền 2.100.000 đồng rồi đến Công ty D1 làm việc.

Bà T phát hiện tiền trong xô bị thiếu nên xem lại camera thì phát hiện bị cáo D là người lấy trộm tiền. Bà T đến hỏi thì bị cáo D thừa nhận hành vi lấy trộm tiền của bà T. Sau đó, bị cáo D đến Công an phường T1 đầu thú.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 95/2024/HS-ST ngày 03 tháng 5 năm 2024, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Ngô Thị Mỹ D phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.
2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Ngô Thị Mỹ D 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, nhưng được khấu trừ thời gian bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 17/01/2024 đến ngày 25/01/2024.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07 tháng 5 năm 2024, bị cáo D có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến: đơn kháng cáo của bị cáo còn trong thời hạn luật định. Bị cáo đã 12 lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tiền của bị hại với tổng số tiền là 34.780.000 đồng, trong đó có 07 lần số tiền chiếm đoạt mỗi lần trên 2.000.000 đồng. Bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên”. Xét thấy, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian. Tuy nhiên, ngoài các lần trộm cắp theo dữ liệu trích xuất camera thì có 05 lần bị cáo tự khai ra hành vi lấy trộm tiền của bị hại, đây là tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội tự thú” nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng cho bị cáo nên có cơ sở giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo, giảm một phần hình phạt cho bị cáo với mức giảm là 03 tháng tù.

Bị cáo không tự bào chữa.

Bị cáo nói lời sau cùng: mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo để bị cáo sớm về lo cho các con và cháu ngoại vì bị cáo là trụ cột gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn luật định, hợp lệ nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bình Dương, hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện việc điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm xác định. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở xác định: trong khoảng thời gian từ ngày 31/12/2023 đến

ngày 16/01/2024, tại tiệm tạp hóa K thuộc khu phố A, phường T1, thành phố B, tỉnh Bình Dương, bị cáo Ngô Thị Mỹ D đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bà Lê Thị T 12 lần với tổng số tiền chiếm đoạt là 34.780.000 đồng (trong đó, có 07 lần bị cáo lấy trộm mỗi lần trên 2.000.000 đồng). Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Bị cáo kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của bị cáo, bị hại, dữ liệu trích xuất camera cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: tại biên bản ghi lời khai ngày 16/01/2024 (bút lục số 47, 48, 49), bị hại T khai không thể xác định được bị mất trộm từ thời gian nào, số tiền bị mất trộm cụ thể là bao nhiêu, chỉ ước tính số tiền bị mất ngày 16/01/2024 khoảng 2.100.000 đồng, còn số tiền mất trước đó là do bị cáo D tự khai ra. Căn cứ hình ảnh trích xuất từ camera của bị hại và biên bản xác minh ngày 17/01/2024 đối với ông Nguyễn Ngọc L – Chủ cơ sở kinh doanh bảng hiệu Camera quan sát M (từ bút lục số 38 đến bút lục số 42) xác định camera chỉ ghi nhận được 07 ngày gần nhất (từ ngày 10 đến ngày 16/01/2024, riêng ngày 10/01/2024 bị lỗi không trích xuất được). Tuy nhiên, ngoài 06 lần bị cáo đầu thú khai nhận chiếm đoạt tài sản của bị hại từ ngày 10/01/2024 đến 16/01/2024 thì bị cáo còn tự khai ra 06 lần chiếm đoạt tài sản của bị hại trước đó với tổng số tiền 15.820.000 đồng (trong khoảng thời gian từ ngày 31/12/2023 đến ngày 09/01/2024). Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội tự thú” quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo là thiếu sót.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: mặc dù bị cáo chiếm đoạt tài sản của bị hại nhiều lần, tuy nhiên sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại và bị hại có đơn xin bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới “Người phạm tội tự thú” nên Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: bị cáo bị xử phạt tù không quá 03 năm, có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt; mặc dù bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” nhưng bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (03 tình tiết) quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo phạm tội nhiều lần nhưng các lần phạm tội đều là tội phạm ít nghiêm trọng và có nhiều lần phạm tội là do bị cáo đầu thú và tự thú. Bị cáo có khả năng tự cải tạo nên việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng đến an ninh, trật tự,

an toàn xã hội cũng như công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm tại địa phương, đồng thời cũng thể hiện được chính sách khoan hồng của pháp luật. Do đó, bị cáo đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và các nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo (Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân tối cao). Kháng cáo của bị cáo xin hưởng án treo là có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo.

[5] Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là có căn cứ.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 344, Điều 345, điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

1. Về trách nhiệm hình sự:

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ngô Thị Mỹ D. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 95/2024/HS-ST ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bình Dương về hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo Ngô Thị Mỹ D.

Tuyên bố bị cáo Ngô Thị Mỹ D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Ngô Thị Mỹ D 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Ngô Thị Mỹ D cho Ủy ban nhân dân xã L1, huyện B1, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố

tụng hình sự năm 2015, điểm d khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết này,

Bị cáo Ngô Thị Mỹ D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng Hồ sơ – Công an tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thành phố B (2);
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố B;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B;
- Bị cáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú (thay văn bản thông báo);
- Lưu: VP (4), hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Hoàng